TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2024
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH –TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Tr

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Thu Hà

2. Ông Phạm Thạch Út

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trương Thị Hồng Cẩm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân* tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 369/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 và giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kiều Tr, sinh năm 1982 (có mặt)

Nơi cư trú: tổ 5, khóm Hòa Long 3, TT An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

2. Bị đơn: Ông Phạm Thanh M, sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ 14, khóm Hòa Long 3, TT An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 17/7/2023 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị Kiều Tr trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông M kết hôn vào năm 2001, hôn nhân tự tìm hiểu,

có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang số 889/KH quyển số 5/2002 ngày 31/12/2002. Sau khi cưới, vợ chồng về sống chung với gia đình cha mẹ chồng. Cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm; cất nhà ra ở riêng nhưng đất của cha mẹ chồng. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau. Bà gửi đơn ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó, bà rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ. Vợ chồng về sống chung vẫn không hạnh phúc, nên bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2014, ông M có tới lui. Từ tháng 6/2023 vợ chồng ly thân cho đến nay, trong thời gian ly thân cả hai không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà không còn tình cảm với ông M nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Lê Thanh T sinh ngày 30/11/2002 (đã trưởng thành, có khả năng lao động) và Phạm Kim Long sinh ngày 26/4/2007 hiện các con đang sống với bà . Khi ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là cháu Kim L, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Phạm Thanh M vắng mặt trong quá trình tố tụng*

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Lê Thị Kiều Tr vẫn giữ yêu cầu ly hôn; về con chung: yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con . Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Phạm Thanh M vắng mặt tại phiên tòa không tham gia tố tụng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về việc chấp hành pháp *luật*: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Bà Lê Thị Kiều Tr có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ biên bản xác M tại Công an thị trấn An Châu , huyện Châu Thành, tỉnh An Giang thể hiện: "*ông Phạm Thanh M có*

đăng ký HKTT tại tổ 14, khóm Hòa Long 3, TT An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Hiện ông M có mặt tại địa phương…". Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng thực hiện theo quy định tại 179 BLTTDS 2015 . Ông M không có mặt tại phiên tòa khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông M

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: giữa bà Tr và ông M có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang số 889/KH quyển số 5/2002 ngày 31/12/2002 phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Tr với ông M . Mục đích tạo điều kiện cho ông bà đoàn tụ; nhưng bà Tr vẫn giữ yêu cầu ly hôn; ông M không đến Toà án để tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án. Ông M không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70,72 BLTTDS.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Giữa bà Tr và ông M đã ly thân một thời gian dài, trong khoảng thời gian ly thân cả hai không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Như vậy cả ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014. Do đó, yêu cầu của bà Tr có căn cứ được HĐXX xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Giữa bà Tr và ông M có 02 con chung tên Phạm Lê Thanh Tuấn sinh ngày 30/11/2002 (đã trưởng thành, có khả năng lao động) và Phạm Kim Long sinh ngày 26/4/2007 hiện các con đang sống với bà . Khi ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là cháu Kim Long, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung

Ông M không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tr. Cháu Phạm Kim L có văn bản trình bày ý kiến có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ (bà Tr). Do đó, phù hợp với quy định tại các Điều 53 , 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014 được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Bà Tr cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị Kiều Tr là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo:

Bà Tr và ông M có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kiều Tr ; Bà Lê Thị Kiều Tr được ly hôn với ông Phạm Thanh M

2.Về con chung: Bà Lê Thị Kiều Tr được tiếp tục nuôi chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Kim L sinh ngày 26/4/2007. Bà Tr phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông M trong việc được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Ông M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Tr không yêu cầu.

3.Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

4.Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Lê Thị Kiều Tr phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004259 ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Kiều Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25.4.20224); Riêng ông Phạm Thanh M có quyền kháng cáo bản án kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;*
- *Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Thùy Tr